

Số /TTr- SGTVT

Bắc Giang, ngày tháng năm 2018

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Quyết định bãi bỏ Quyết định số 13/2008/QĐ-UBND ngày 14/02/2008 và Quyết định số 373/2013/QĐ-UBND ngày 01/8/2013

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Thực hiện Quyết định số 754/QĐ-UBND ngày 30/11/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành nội dung, chương trình công tác năm 2019, giao cho Sở Giao thông vận tải tham mưu bãi bỏ các Quyết định sau: Quyết định số 13/2008/QĐ-UBND ngày 14/02/2008 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phân cấp quản lý phương tiện cơ giới đường bộ, quản lý đường thủy nội địa và bến đỗ xe buýt, xe taxi trên địa bàn tỉnh Bắc Giang và Quyết định số 373/2013/QĐ-UBND ngày 01/8/2013 của UBND tỉnh Bắc Giang quy định quản lý hoạt động của bến khách ngang sông, phương tiện thủy nội địa loại phải đăng ký nhưng không thuộc diện phải đăng kiểm và phương tiện thủy thô sơ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Sở Giao thông vận tải đã tổ chức rà soát, xây dựng dự thảo hồ sơ đề nghị ban hành Quyết định bãi bỏ theo trình tự, thủ tục rút gọn được quy định tại Điều 147 Luật BHVBQPPL năm 2015 và tổng hợp trình UBND tỉnh như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH BÃI BỎ

1. Quyết định bãi bỏ Quyết định số 373/2013/QĐ-UBND ngày 01/8/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang

1.1. Sự cần thiết phải ban hành văn bản bãi bỏ

a) Các căn cứ pháp lý:

Các văn bản QPPL làm căn cứ ban hành Quyết định số 373/2013/QĐ-UBND ngày 01/8/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang đã được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản khác. Cụ thể:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật sửa đổi số 48/2014/QH13;

- Nghị định số 21/2005/NĐ-CP ngày 01/3/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa đã được thay thế bằng Nghị định số 24/2015/NĐ-CP ngày 27/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

- Thông tư số 25/2010/TT-BGTVT ngày 31/8/2010 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành Quy định về quản lý hoạt động của cảng, bến thủy nội địa đã được thay thế bởi Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định quản lý cảng, bến thủy nội địa;

- Thông tư số 21/2011/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được thay thế bởi Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa.

b) Các nội dung không phù hợp:

Hiện nay, các nội dung của Quyết định số 373/QĐ-UBND đã không còn phù hợp với các quy định hiện hành, cụ thể như:

- Tại khoản 10 và 11, Điều 3. Giải thích từ ngữ:

“Phương tiện thủy nội địa loại phải đăng ký nhưng không thuộc diện đăng kiểm là phương tiện thủy nội địa không có động cơ có trọng tải toàn phần từ 1 tấn đến dưới 5 tấn hoặc có sức chở từ 5 người đến 12 người; phương tiện thủy có động cơ công suất máy chính dưới 5 sức ngựa và có sức chở dưới 5 người”.

“Phương tiện thủy nội địa thuộc diện đăng kiểm là phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 5 tấn trở lên hoặc có sức chở trên 12 người; phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 5 mã lực trở lên và có sức chở từ 5 người trở lên”.

02 khái niệm trên hiện nay đã không còn phù hợp, lý do: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17/6/2014 bổ quy định phải đăng kiểm đối với các phương tiện loại nhỏ không có động cơ trọng tải từ 5 tấn đến dưới 15 tấn do đây là các phương tiện thô sơ, có trọng tải không lớn (tại Điều 24). Tuy nhiên, để đảm bảo an toàn của phương tiện và tăng cường sự quản lý nhà nước, các phương tiện này phải bảo đảm các điều kiện an toàn khi hoạt động trên đường thủy nội địa theo quy định và phải đăng ký. Đồng thời, bổ sung quy định *“phương tiện phải bảo đảm còn niên hạn sử dụng theo quy định của Chính phủ”*. Đối với phương tiện nhập khẩu còn *“phải bảo đảm niên hạn sử dụng của phương tiện được phép nhập khẩu theo quy định của Chính phủ”*. Ngoài ra, Luật sửa đổi, bổ sung đã quy định chi tiết các điều kiện an toàn đối với các loại phương tiện không thuộc diện phải đăng kiểm do đó không cần phải quy định lại.

- Điều 4. Thẩm quyền quản lý bến khách ngang sông: “UBND các huyện, thành phố quản lý hoạt động của bến khách ngang sông; chấp thuận mở bến khách ngang sông; cấp, cấp lại Giấy phép hoạt động bến khách ngang sông; đình chỉ hoạt động và tạm đình chỉ hoạt động bến khách ngang sông trên phạm vi địa giới hành chính do UBND cấp huyện quản lý”.

Về nội dung này, tại Điều 9, Thông tư 50/2014/TT-BGTVT đã quy định rõ: “Sở GTVT cấp giấy phép hoạt động và cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa, bến khách ngang sông trên địa bàn thuộc địa giới hành chính của địa phương”, do đó không thực hiện phân cấp cho UBND các huyện, thành phố.

- Điều 8. Thẩm quyền quản lý phương tiện thủy nội địa loại phải đăng ký nhưng không thuộc diện đăng kiểm; quản lý phương tiện thủy thô sơ:

“Phòng Kinh tế và Hạ tầng (đối với các huyện) hoặc Phòng Quản lý đô thị (đối với thành phố Bắc Giang) quản lý hoạt động của phương tiện thủy nội địa phải đăng ký nhưng không thuộc diện đăng kiểm; đăng ký lần đầu, đăng ký lại, cấp lại, đổi Giấy chứng nhận đăng ký và xóa đăng ký đối với phương tiện thủy phải đăng ký nhưng không thuộc diện đăng kiểm trên phạm vi địa giới hành chính của huyện, thành phố”.

“UBND xã quản lý phương tiện thủy thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc có sức chở dưới 05 người trên phạm vi địa giới hành chính do UBND cấp xã quản lý”.

Về nội dung này, tại Điều 8, Thông tư 75/2014/TT-BGTVT đã quy định phân cấp cụ thể thẩm quyền quản lý loại phương tiện cho Cục ĐTNĐ Việt Nam và các Chi cục ĐTNĐ khu vực, Sở GTVT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Cơ quan quản lý giao thông cấp huyện và cấp xã, do đó nội dung phân cấp quản lý như trên không còn phù hợp và không cần quy định lại. Quy định phân cấp hiện nay như sau:

- Cục Đường thủy nội địa Việt Nam và các Chi cục Đường thủy nội địa khu vực tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB của tổ chức, cá nhân.

- Sở GTVT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB, phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đó.

- Cơ quan quản lý giao thông cấp huyện thực hiện đăng ký phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý.

- Cấp xã, phường, thị trấn: Thực hiện đăng ký phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12

người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý. Tổ chức quản lý đối với phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc sức chở dưới 05 người hoặc bè khi hoạt động trên đường thủy nội địa phải đảm bảo điều kiện an toàn theo quy định.

- Điều 9. Quy định điều kiện an toàn để hoạt động của phương tiện thủy nội địa loại phải đăng ký nhưng không thuộc diện đăng kiểm và phương tiện thủy thô sơ.

Nội dung này đã được quy định chi tiết và cụ thể tại Điều 1, Khoản 7 Sửa đổi, bổ sung Điều 24 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa, trong đó có bổ sung thêm một số điều kiện như: *“Phương tiện phải được kẻ hoặc gắn số đăng ký, ghi số lượng người được phép chở trên phương tiện”; “Phương tiện phải được sơn vạch dấu mớn nước an toàn và khi chở người, chở hàng không được ngập qua vạch dấu mớn nước an toàn. Dấu mớn nước an toàn của phương tiện được sơn một vạch có màu khác với màu sơn mạn phương tiện; vạch sơn có chiều rộng 25 milimét, chiều dài 250 milimét nằm ngang trên hai bên mạn tại vị trí giữa của chiều dài lớn nhất của phương tiện; mép trên của vạch sơn cách mép mạn 100 milimét đối với phương tiện chở hàng, cách mép mạn 200 milimét đối với phương tiện chở người”*.

Ngoài ra, Thông tư 50/2014/TT-BGTVT và Thông tư 75/2014/TT-BGTVT đã quy định phân cấp và quy định trách nhiệm cụ thể cho các cơ quan quản lý địa phương, nên các quy định tại Điều 12, 13, 14 Quyết định số 373/QĐ-UBND đã không còn phù hợp và không cần quy định lại.

(Kèm theo Phiếu rà soát các nội dung không phù hợp của Quyết định số 373/2013/QĐ-UBND)

Như vậy, các nội dung trong Quyết định số 373/2013/QĐ-UBND không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, cần thiết ban hành *Quyết định bãi bỏ Quyết định số 373/2013/QĐ-UBND ngày 01/8/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định quản lý hoạt động của bến khách ngang sông, phương tiện thủy nội địa loại phải đăng ký nhưng không thuộc diện phải đăng kiểm và phương tiện thủy thô sơ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang* để phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

1.2. Lý do không ban hành văn bản thay thế

Hiện nay các nội dung quy định quản lý hoạt động của bến khách ngang sông, phương tiện thủy nội địa loại phải đăng ký nhưng không thuộc diện phải đăng kiểm và phương tiện thủy thô sơ đã được quy định cụ thể tại các văn bản: Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định quản lý cảng, bến thủy nội địa; Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa nên không cần thiết phải ban hành văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh.

2. Quyết định bãi bỏ Quyết định số 13/2008/QĐ-UBND ngày 14/02/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang

2.1. Sự cần thiết phải ban hành văn bản bãi bỏ

a) Các căn cứ pháp lý:

Các văn bản QPPL làm căn cứ ban hành Quyết định 13/2008/QĐ-UBND ngày 14/02/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang đã được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản khác. Cụ thể:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật sửa đổi, bổ sung số 48/2014/QH13;

- Quyết định số 34/2006/QĐ-BGTVT ngày 16/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về quản lý vận tải khách công cộng bằng xe buýt; Quyết định số 17/2007/QĐ-BGTVT ngày 26/3/2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định vận tải khách bằng taxi đã hết hiệu lực.

Hiện nay, nội dung quản lý vận tải khách công cộng bằng xe buýt và vận tải khách bằng taxi được quy định tại Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

b) Các nội dung không phù hợp:

Hiện nay, các nội dung quy định của của Quyết định số 13/2008/QĐ-UBND ngày 14/02/2008 đã được quy định cụ thể trong các văn bản QPPL của Trung ương, cụ thể như:

- Về nội dung “*Quản lý các phương tiện cơ giới đường bộ, gồm: Máy kéo nhỏ có trọng tải đến 1.000kg, xe lam, xe lôi, xe ba gác, xe mô tô, xe máy, xe phục vụ nông nghiệp, xe thô sơ trên địa bàn*”: Đối với các loại phương tiện này đã được quy định cụ thể trong Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008; Thông tư 08/2009/TT-BGTVT ngày 23/6/2009 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn việc sử dụng xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh và các loại xe tương tự để vận chuyển hành khách, hàng hóa; Thông tư số 15/2014/TT-BCA ngày 04/4/2014 của Bộ Công an Quy định về đăng ký xe... Việc quản lý phương tiện được thực hiện theo Quyết định số 378/2011/QĐ-UBND ngày 17/10/2011 của UBND tỉnh Bắc Giang Quy định về quản lý sử dụng xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh và các loại xe tương tự để vận chuyển hành khách, hàng hóa trên địa bàn tỉnh.

- Về nội dung “*Quản lý và quyết định công bố điểm đỗ xe buýt, xe taxi trên địa bàn*”: Nội dung này đã được quy định cụ thể tại Khoản 4, Điều 6 Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện

kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và thực hiện theo quy định tại Điều 28, Điều 29 và Điều 40 Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

- Về nội dung “*Quản lý nhà nước về giao thông đường thủy nội địa, bao gồm các công tác: Bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông, chống lấn chiếm hành lang bảo vệ luồng, bảo đảm trật tự an toàn giao thông; tổ chức cứu nạn, giải quyết hậu quả các vụ tai nạn trên các đoạn sông (không thuộc sự quản lý của Cục Đường sông Việt Nam), hồ, đầm, kênh trên địa bàn*”: Đã được quy định cụ thể tại Điều 7, Điều 16, Điều 19 Luật Giao thông đường thủy nội địa và Khoản 22 Điều 1 Luật Giao thông đường thủy nội địa sửa đổi 2014.

(Kèm theo Phiếu rà soát các nội dung không phù hợp của Quyết định số 13/2008/QĐ-UBND)

Như vậy, các nội dung trong Quyết định số 13/2008/QĐ-UBND đã được quy định cụ thể trong các văn bản QPPL của Trung ương, do đó cần thiết ban hành Quyết định số 13/2008/QĐ-UBND ngày 14/02/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc phân cấp quản lý phương tiện cơ giới đường bộ, quản lý đường thủy nội địa và bến đỗ xe buýt, xe taxi trên địa bàn tỉnh Bắc Giang để phù hợp với Luật ban hành VBQPPL hiện hành.

2.2. Lý do không ban hành văn bản thay thế

Hiện nay, việc phân cấp quản lý phương tiện cơ giới đường bộ, quản lý đường thủy nội địa và bến đỗ xe buýt, xe taxi đã được quy định cụ thể tại Luật giao thông đường bộ năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014; Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ; Quyết định số 378/2011/QĐ-UBND ngày 17/10/2011 của UBND tỉnh Bắc Giang Quy định về quản lý sử dụng xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh và các loại xe tương tự để vận chuyển hành khách, hàng hóa trên địa bàn tỉnh... nên không cần thiết phải ban hành văn bản quy phạm pháp luật để điều chỉnh.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BÃI BỎ

1. Mục đích

- Việc ban hành Quyết định trên nhằm bãi bỏ văn bản QPPL hết hiệu lực thi hành hoặc không còn phù hợp; thống nhất việc áp dụng, thực hiện các quy định pháp luật theo quy định của Trung ương tại địa phương.

- Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh khi ban hành phải phù hợp với các Văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

2. Quan điểm chỉ đạo

Công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật được xác định là một trong những nhiệm vụ quan trọng của tỉnh, để đáp ứng yêu cầu của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 và điều kiện áp dụng thực tế tại địa phương, việc tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật về bãi bỏ Quyết định số 373/2013/QĐ-UBND ngày 01/8/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định quản lý hoạt động của bến khách ngang sông, phương tiện thủy nội địa loại phải đăng ký nhưng không thuộc diện phải đăng kiểm và phương tiện thủy thô sơ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định bãi bỏ Quyết định số 13/2008/QĐ-UBND ngày 14/02/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc phân cấp quản lý phương tiện cơ giới đường bộ, quản lý đường thủy nội địa và bến đỗ xe buýt, xe taxi trên địa bàn tỉnh Bắc Giang là phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BÃI BỎ

Các bước trong quá trình xây dựng dự thảo được thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn quy định tại Điều 147 Luật BHVBQPPL năm 2015, bao gồm:

- Xin ý kiến rà soát của Sở Tư pháp;
- Đăng tải toàn văn dự thảo trên Công báo tỉnh Bắc Giang và trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải;
- Xin ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp;

Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Giao thông vận tải đã tiếp thu, chỉnh sửa, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA QUYẾT ĐỊNH BÃI BỎ

1. Bố cục Quyết định bãi bỏ

Bố cục Quyết định bãi bỏ gồm: 03 Điều

Điều 1: Bãi bỏ Quyết định

Điều 2: Quy định về hiệu lực thi hành Quyết định

Điều 3: Quy định về tổ chức thực hiện

2. Nội dung Quyết định bãi bỏ

Điều 1. Bãi bỏ các Quyết định số: Quyết định 373/2013/QĐ-UBND ngày 01/8/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định quản lý hoạt động của bến khách ngang sông, phương tiện thủy nội địa loại phải đăng ký nhưng không thuộc diện phải đăng kiểm và phương tiện thủy thô sơ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 13/2008/QĐ-UBND ngày 14/02/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc phân cấp quản lý phương tiện cơ giới đường bộ,

quản lý đường thủy nội địa và bến đỗ xe buýt, xe taxi trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Hiệu lực thi hành:

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; các tổ chức và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN

Dự thảo Quyết định bãi bỏ là phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và không có nội dung cần xin ý kiến thêm.

Trên đây là Tờ trình về việc tham mưu ban hành Quyết định bãi bỏ Quyết định số 373/2013/QĐ-UBND ngày 01/8/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định quản lý hoạt động của bến khách ngang sông, phương tiện thủy nội địa loại phải đăng ký nhưng không thuộc diện phải đăng kiểm và phương tiện thủy thô sơ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, Quyết định số 13/2008/QĐ-UBND ngày 14/02/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc phân cấp quản lý phương tiện cơ giới đường bộ, quản lý đường thủy nội địa và bến đỗ xe buýt, xe taxi trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, Sở Giao thông vận tải kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: Dự thảo Quyết định bãi bỏ).

Nơi nhận:

- Lưu: VT, VP.

Bản điện tử:

- Như trên;
- Sở Tư pháp;
- Giám đốc Sở; các PGĐ Sở;
- Phòng QLVTPT&NL, Pháp chế-AT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đỗ Thị Lan

Số /2019/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng năm 2019

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Bãi bỏ các Quyết định: Quyết định số 373/2013/QĐ-UBND ngày 01/8/2013 ban hành Quy định quản lý hoạt động của bến khách ngang sông, phương tiện thủy nội địa loại phải đăng ký nhưng không thuộc diện phải đăng kiểm và phương tiện thủy thô sơ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 13/2008/QĐ-UBND ngày 14/02/2008 về việc phân cấp quản lý phương tiện cơ giới đường bộ, quản lý đường thủy nội địa và bến đỗ xe buýt, xe taxi trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 24/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định quản lý cảng, bến thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số /TTr-SGTVT ngày tháng 12 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ các Quyết định: Quyết định số 373/2013/QĐ-UBND ngày 01/8/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định quản lý hoạt động của bến khách ngang sông, phương tiện thủy nội địa loại phải đăng ký nhưng không thuộc diện phải đăng kiểm và phương tiện thủy thô sơ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 13/2008/QĐ-UBND ngày 14/02/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc phân cấp quản lý phương tiện cơ giới đường bộ, quản lý đường thủy nội địa và bến đỗ xe buýt, xe taxi trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; các tổ chức và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐB Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức Chính trị - xã hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

Bản điện tử: LĐVP, TT thông tin (đăng CB).

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lại Thanh Sơn

PHIẾU RÀ SOÁT VĂN BẢN QPPL DO UBND TỈNH BAN HÀNH

Văn bản được rà soát: Quyết định 373/2013/QĐ-UBND ngày 01/8/2013 của UBND tỉnh Quy định quản lý hoạt động của bến khách ngang sông, phương tiện thủy nội địa loại phải đăng ký nhưng không thuộc diện phải đăng kiểm và phương tiện thủy thô sơ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Người rà soát: Nguyễn Đăng Khoa - Phó Trưởng phòng Pháp chế - An toàn

Thời điểm rà soát: 05/12/2018

STT	Nội dung rà soát	Căn cứ rà soát	Ý kiến đánh giá của người rà soát	Ý kiến đề xuất
1	Hiệu lực của văn bản	Hiệu lực được ghi trong quyết định	Quyết định còn hiệu lực	
2	Căn cứ ban hành văn bản	<ul style="list-style-type: none">- Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;- Căn cứ Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;- Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004;- Căn cứ Nghị định số 21/2005/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;- Căn cứ Quyết định số 19/2005/BGTVT ngày 25 tháng 3 năm 2005 của Bộ	<p>Hiện đã thay thế bởi:</p> <ul style="list-style-type: none">- Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;- Luật ban hành văn bản QPPL 2015;- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17/6/2014;- Thông tư 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa.- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa.	

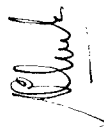
	<p>Giao thông vận tải tại Quy định điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa phải đăng ký nhưng không thuộc diện đăng kiểm;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ Thông tư số 25/2010/TT-BGTVT ngày 31 tháng 8 năm 2010 của Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về quản lý hoạt động của cảng, bến thủy nội địa; - Căn cứ Thông tư số 21/2011/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2011 của Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa; - Căn cứ Thông tư số 15/2012/TT-BGTVT ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Bộ Giao thông vận tải quy định về trang bị và sử dụng áo phao cứu sinh, dụng cụ nổi cứu sinh cá nhân trên phương tiện vận tải hành khách ngang sông; 	
2	Thẩm quyền ban hành văn bản	Thời điểm ban hành là phù hợp
4	Nội dung quyết định	<p>Đã thay đổi: - Điều 7 Thông tư số 50/2014/TT-GTVT.</p>

	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 5. Điều kiện an toàn để hoạt động vận tải khách ngang sông. - Điều 6. Thủ tục chấp thuận mở bến; cấp, cấp lại Giấy phép hoạt động bến khách ngang sông; đình chỉ hoạt động và tạm đình chỉ hoạt động bến khách ngang sông. - Điều 7. Xử lý tai nạn trong vùng nước bến khách ngang sông. - Điều 8. Thẩm quyền đăng ký phương tiện thủy nội địa loại phải đăng ký nhưng không thuộc diện đăng kiểm; quản lý phương tiện thủy thô sơ. - Điều 9. Điều kiện an toàn để hoạt động của phương tiện thủy nội địa loại phải đăng ký nhưng không thuộc diện đăng kiểm và phương tiện thủy thô sơ. - Điều 10. Xác định các kích thước cơ bản, xác định sức chở, sơn vạch dấu mớn nước an toàn của phương 	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 22 Thông tư số 50/2014/TT-GTVT ngày 17/10/2014 của Bộ GTVT. - Khoản 2 Điều 7 Điều 11 và Điều 13 Thông tư số 50/2014/TT-GTVT. Điều 28 Thông tư số 50/2014/TT-GTVT. - Điều 8 Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT. - Khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa. - Điều 4 Quyết định số 19/2005/QĐ-BGTVT và Khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa. 	
--	--	---	--

	<p>tiện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 11. Thủ tục đăng ký, đăng ký lại, cấp đổi, cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện và xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa. 	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17 và 18 Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT. 	
	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 12. Trách nhiệm của các Sở, ngành (trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải). 	<ul style="list-style-type: none"> - Khoản 1, 2, 3, 5, 6, 7 Điều 21 Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT và Điều 26 Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT. 	
	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 13. Trách nhiệm của UBND cấp huyện 	<ul style="list-style-type: none"> - Khoản 1, 2, 3, 4, 7 Điều 21 Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT. 	
	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 14. Trách nhiệm của UBND cấp xã 	<ul style="list-style-type: none"> - Khoản 1, 2, 3, 4, 7 Điều 21 Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT. 	
	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 15. Trách nhiệm của chủ bến khách ngang sông; 	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 22 Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT. 	
	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 16. Trách nhiệm của chủ khai thác bến khách ngang sông. 	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 22 Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT. 	
	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 17. Trách nhiệm của chủ phương tiện. 	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 19 Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT; Khoản 1 Điều 7 Thông tư 15/2012/TT-BGTVT. 	
	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 18. Trách nhiệm của người lái phương tiện vận tải khách ngang sông. 	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 23 Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT; Khoản 2 Điều 7 Thông tư 15/2012/TT-BGTVT. 	

		<p>- Điều 19. Trách nhiệm của hành khách khi tham gia giao thông bằng phương tiện vận tải hành khách ngang sông.</p>	<p>- Điều 5. Điều 8 Thông tư 15/2012/TT-BGTĐT.</p>	
--	--	--	--	--

NGƯỜI RÀ SOÁT



Nguyễn Đăng Khoa

PHIẾU RÀ SOÁT VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT DO UBND TỈNH BAN HÀNH

Văn bản được rà soát: Về việc phân cấp quản lý phương tiện cơ giới đường bộ, quản lý đường thủy nội địa và bến đỗ xe buýt, xe taxi trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

Người rà soát: Nguyễn Đăng Khoa - Phó Trưởng phòng Pháp chế - An toàn

Đơn vị công tác: Sở Giao thông vận tải Bắc Giang

Thời điểm rà soát: 15/12/2018.

STT	Nội dung rà soát	Căn cứ rà soát	Ý kiến xem xét, đánh giá của người rà soát	Ý kiến đề xuất
1	Hiệu lực của văn bản	Hiệu lực được ghi trong quyết định	Quyết định còn hiệu lực, tuy nhiên cần phải ban hành Quyết định bãi bỏ do đến nay các nội dung trong Quyết định số 13/2008/QĐ-UBND đã được quy định cụ thể trong các văn bản QPPL của Trung ương	Đề nghị bãi bỏ Quyết định 13/2008/QĐ-UBND ngày 14/2/2008 của UBND tỉnh Bắc Giang.
2	Căn cứ ban hành văn bản	<ul style="list-style-type: none">- Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004;- Quyết định của Bộ trưởng Bộ GTVT số 34/2006/QĐ-BGTVT ngày 16/10/2006 ban hành Quy định về quản lý vận tải khách công cộng bằng xe buýt và Quyết định số 17/2007/QĐ-BGTVT ngày 26/3/2007 ban hành Quy định vận tải khách bằng taxi.	<p><i>Hiện đã bị thay thế bởi:</i></p> <ul style="list-style-type: none">- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;- Luật sửa đổi một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17/6/2014;- Các Quyết định số 34/2006/QĐ-BGTVT và số 17/2007/QĐ-BGTVT đã hết hiệu lực. Hiện nay, được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.	
2	Thẩm quyền ban hành văn bản	UBND tỉnh	Thời điểm ban hành là phù hợp, tuy nhiên cần phải ban hành Quyết định bãi bỏ do đến nay các nội dung trong Quyết định số 13/2008/QĐ-UBND đã được quy	

4	Nội dung quyết định	<p>Phân cấp cho Chủ tịch UBND huyện, thành phố quản lý trong lĩnh vực giao thông, vận tải với các nội dung sau:</p> <p>1. Quản lý các phương tiện cơ giới đường bộ, gồm: Máy kéo nhỏ có trọng tải đến 1.000kg, xe lam, xe lôi, xe ba gác, xe mô tô, xe máy, xe phục vụ nông nghiệp, xe thô sơ trên địa bàn.</p> <p>2. Quản lý và quyết định công bố điểm đỗ xe buýt, xe taxi trên địa bàn.</p>	<p>định cụ thể trong các văn bản QPPL của Trung ương</p>
		<p>1. Đã được quy định cụ thể trong Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008; Thông tư 08/2009/TT-BGTVT ngày 23/6/2009 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn việc sử dụng xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh và các loại xe tương tự để vận chuyển hành khách, hàng hóa; Thông tư số 15/2014/TT-BCA ngày 04/4/2014 của Bộ Công an Quy định về đăng ký xe... Việc quản lý phương tiện được thực hiện theo Quyết định số 378/2011/QĐ-UBND ngày 17/10/2011 của UBND tỉnh Bắc Giang Quy định về quản lý sử dụng xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh và các loại xe tương tự để vận chuyển hành khách, hàng hóa trên địa bàn tỉnh.</p> <p>2. Được quy định tại:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 4, Điều 6 Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô - Điều 28, Điều 29 và Điều 40 Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ. 	

		<p>3. Quản lý nhà nước về giao thông đường thủy nội địa, bao gồm các công tác: Bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông, chống lấn chiếm hành lang bảo vệ luồng, bảo đảm trật tự an toàn giao thông; tổ chức cứu nạn, giải quyết hậu quả các vụ tai nạn trên các đoạn sông (không thuộc sự quản lý của Cục Đường sông Việt Nam), hồ, đầm, kênh trên địa bàn.</p>	<p>3. Được quy định tại: Điều 7, Điều 16, Điều 19 Luật Giao thông đường thủy nội địa và Khoản 22 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa .</p>
--	--	---	--

NGƯỜI RÀ SOÁT



Nguyễn Đăng Khoa